

Bản án số: 293/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2024
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi
con chung”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hồng và ông Võ Thanh Nhân.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang: Bà Nguyễn Thị Kiều Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 479/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 858/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 497/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: số I, ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (có đơn xin xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Võ Thành C, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị N trình bày:

Bà và ông Võ Thành C tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 28/10/2004 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu sống hạnh phúc, đến cuối năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu

thuần, không còn chung sống với nhau cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, nên bà yêu cầu ly hôn với ông C. Về con chung: có 02 con chung Võ Thị Cẩm G, sinh năm 2005 (đã thành niên) và Võ Thị Cẩm N1, sinh năm 2009. Sau khi ly hôn, bà N yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu N1, không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Tờ tự khai và đơn khởi kiện ngày 24/6/2024; kết hôn số 159 ngày 28/10/2004; trích lục khai sinh con chung;

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải để động viên bà N, ông C xóa bỏ những bất đồng quan điểm, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông C; tuy nhiên bà thay đổi ý kiến, yêu cầu giao cháu Võ Thị Cẩm N1, sinh năm 2009 cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng; bà không phải cấp dưỡng nuôi con; ông C được triệu tập nhưng đều vắng mặt, không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm với bà T. Vì vậy, Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

Tại bản thông tin xác nhận nơi cư trú được Ban ấp Đ, xã M, huyện C xác nhận thông tin ông Võ Thành C vẫn còn cư trú tại ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, bà N có đơn xin vắng, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông C. Ông C vắng mặt nên Tòa án không thể hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến giải quyết vụ án: Bà N và ông C tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp thuộc trường hợp hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng sống hạnh phúc, đến cuối năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, không còn chung sống với nhau cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, nên bà N yêu cầu ly hôn với ông C; Xét thấy, yêu cầu ly hôn của bà N là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên có cơ sở xem xét. Về con chung: có 02 con chung Võ Thị Cẩm G, sinh năm 2005 (đã thành niên, có khả năng lao động) và Võ Thị Cẩm N1, sinh năm 2009. Bà N thay đổi ý kiến so với đơn khởi kiện, do cháu N1 đang sống cùng cha kể từ thời điểm vợ chồng ly thân cháu phát triển ổn định về thể chất, tinh thần, cháu N1 có ý kiến, nguyện vọng sống cùng cha nên bà đồng ý giao cháu cho ông C tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Do đó, việc giao cháu N1 cho ông C tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp; Bà N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề xuất:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị N đối với ông Võ Thành C.

- Giao con chung **Võ Thị Cẩm N1** cho ông **C** tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, do ông **C** không yêu cầu bà **N** phải cấp dưỡng nuôi con, không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Bà **Nguyễn Thị N** khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông **Võ Thành C** được xác định là tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con*” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn **huyện C, tỉnh An Giang**. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; bị đơn được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Về tính hợp pháp: bà **N** và ông **C** tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định vào ngày 28/10/2004 tại **Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp** thuộc trường hợp hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận, bảo vệ.

[2.2] Về tình trạng hôn nhân: Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2023 thì bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày thường xuyên cự cãi, không tìm được tiếng nói chung, phát sinh nhiều mâu thuẫn và ly thân cho đến nay; bà **N** yêu cầu ly hôn, ông **C** không phản hồi, không có mặt theo giấy triệu tập. Bà **N** xác định không còn tình cảm với ông **C** và kiên quyết xin được ly hôn; Với những căn cứ trên, có cơ sở xác định hôn nhân giữa bà **N**, ông **C** phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của bà **N** xin ly hôn với ông **C** theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: có 02 con chung **Võ Thị Cẩm G**, sinh năm 2005 (đã thành niên, có khả năng lao động, không đề cập) và **Võ Thị Cẩm N1**, sinh năm 2009. Quá trình giải quyết vụ án, bà **N** thay đổi ý kiến so với đơn khởi kiện, do cháu **N1** đang sống cùng ông **C**, cháu đang đi học nên bà đồng ý để ông **C** tiếp tục nuôi dưỡng cháu **N1**; kể từ thời điểm vợ chồng ly thân, con chung sống cùng với ông **C** phát triển ổn định về thể chất, tinh thần, cháu **N1** có ý kiến, nguyện vọng sống cùng cha nên giao cháu cho ông **C** tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông **C** không yêu cầu bà **N** phải cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu, nên không đề cập;

[5] Về án phí: Bà **N** phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự. Ông **C** không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị N**. Cho bà **Nguyễn Thị N** được ly hôn với ông **Võ Thành C**.

Giấy chứng nhận kết hôn số 159, do Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, cấp ngày 28 tháng 10 năm 2004 cho bà **Nguyễn Thị N** với ông **Võ Thành C** không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: giao con chung **Võ Thị Cẩm N1**, sinh ngày 27/11/2009 cho ông **Võ Thành C** tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Bà **N** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông **Võ Thành C** cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà **Nguyễn Thị N** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung **Võ Thị Cẩm N1**, sinh ngày 27/11/2009.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Bà **Nguyễn Thị N** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015643 ngày 24 tháng 6 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; bà **N** đã nộp xong. Ông **C** không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bà **Nguyễn Thị N**, ông **Võ Thành C**, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc được niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- UBND xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Phong

